

## BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

### BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT ƯU VIỆT CHƯƠNG TRÌNH HỌC VẤN

Bạn có thể chủ động thiết lập kế hoạch linh hoạt cho tương lai học vấn của con bạn với sự kết hợp hiệu quả giữa tiết kiệm và bảo vệ.

#### Tiết kiệm hiệu quả

- ✓ Thưởng duy trì hợp đồng vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20.
- ✓ Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

#### Bảo vệ tài chính trọn đời và toàn diện

- ✓ Bảo vệ trước những rủi ro không lường trước được trong cuộc sống như: Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn, Ung thư, tử vong.
- ✓ Tặng số tiền bảo hiểm vào các thời điểm bước ngoặt cuộc đời (kết hôn, sinh con) mà không cần bằng chứng sức khỏe, tài chính.
- ✓ Lựa chọn tham gia các quyền lợi bảo hiểm bổ sung để bảo vệ toàn diện trước các rủi ro bệnh hiểm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thương tật do tai nạn.

#### Linh hoạt đáp ứng nhu cầu

- ✓ Linh hoạt đầu tư thêm hoặc rút tiền từ giá trị tài khoản để thực hiện kế hoạch học vấn cho con.

**THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 3.224,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

**THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

<b>Họ và tên</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Tuổi</b>	<b>Nghề nghiệp</b>	
Bên mua bảo hiểm	Mr. A	Nam	35	Văn Phòng

**THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	Child	6	Nam	Khác	94	94	3.600.000.000	60.000.000
Sản phẩm bổ sung (*) Early Critical Illness Waiver of Premium rider Tổng phí sản phẩm bổ sung	Child Mr. A	6 35	Male Male	Other Officer	69 30	69 30	3.600.000.000 72.816.000	12.816.000 4.764.000 17.580.000

Định kỳ đóng phí	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
Phí bảo hiểm cơ bản	60.000.000	-	-	-
Phí bảo hiểm các sản phẩm bổ sung	17.580.000	-	-	-
<b>Tổng phí bảo hiểm định kỳ</b>	<b>77.580.000</b>	-	-	-
<b>Phí tích lũy dự kiến</b>	-	-	-	-

Lưu ý: Phí tích lũy dự kiến cho năm đầu. Phí tích lũy cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang minh họa của sản phẩm chính.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 2 | 26**

Dãy số kiểm tra

Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản đã chọn là mức phí tối thiểu của sản phẩm bảo hiểm chính và phải được đóng đầy đủ.

(\*) Thời hạn đóng phí và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bổ sung sẽ phụ thuộc vào điều khoản về tái tục.

---

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

**Trang 3 | 26**

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

## QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠM THỜI

# TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, khách hàng sẽ nhận 100.000.000 đồng hoặc tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH) của cùng một NĐBH, tùy số nào nhỏ hơn. Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng (tổng phí bảo hiểm tạm tính tại thời điểm nộp HSYCBH) của tất cả các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của cùng NĐBH lớn hơn 100.000.000 đồng thì chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ các chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi BMBH hoàn tất HSYCBH và đóng đủ khoản phí đầu tiên và kết thúc vào ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc BMBH yêu cầu hủy bỏ HSYCBH, tùy ngày nào đến trước.

Trong trường hợp bảo hiểm tạm thời được chấp thuận chi trả, chúng tôi sẽ không có nghĩa vụ hoàn lại phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng.

Bảo hiểm tạm thời sẽ không được chi trả trong trường hợp NĐBH tự tử, dù trong trạng thái tinh táo hay mất trí. Trong trường hợp này chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

## QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH

### 1. Quyền lợi NĐBH tử vong (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được số tiền lớn hơn giữa:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm tử vong; hoặc
- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm tử vong.

Trừ đi quyền lợi bảo hiểm ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

### 2. Quyền lợi khi NĐBH tử vong do tai nạn (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được thêm 100% STBH hiện tại nếu NĐBH tử vong do tai nạn trước khi tròn 65 tuổi và Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn. Quyền lợi này sẽ được áp dụng cho những sự kiện tử vong do tai nạn xảy ra trong khoảng thời gian từ Ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí bảo hiểm đã được đóng gần nhất cho đến ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí kế tiếp. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một Người được bảo hiểm được hưởng bao gồm cả Quyền

lợi được hưởng thêm này không vượt quá hạn mức 8 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

### 3. Quyền lợi đối với NĐBH không hút thuốc lá (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ được nhận thêm 10% STBH hiện tại nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.

### 4. Quyền lợi khi NĐBH bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH bị TTTB&VV trước khi tròn 70 tuổi, khách hàng sẽ nhận được số tiền lớn hơn giữa:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm TTTB&VV; hoặc
- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm TTTB&VV. Trừ đi quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

### 5. Quyền lợi khi NĐBH mắc bệnh Ung thư (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận trước 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại của quyền lợi bảo hiểm tử vong nếu NĐBH mắc bệnh Ung thư trước khi tròn 65 tuổi. Tổng quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng bao gồm cả quyền lợi bảo hiểm bệnh ung thư này không vượt quá hạn mức 4 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

### 6. Quyền lợi đầu tư

- ✓ Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Chúng tôi cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%	5,0%	4,5%	4,5%	4,0%	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%

- ✓ Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 4 | 26**

Dãy số kiểm tra

hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.  
Mức lãi suất tích lũy sẽ được chúng tôi công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn).

#### 7. Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng (quyền lợi được bảo đảm)

Vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ mười, một khoản Thưởng duy trì hợp đồng tương đương với 100% Tổng số tiền tính thưởng sẽ được phân bổ vào GTTK cơ bản. Tương tự, vào các ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 15 và 20, khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ tương đương với 10% Tổng số tiền tính thưởng. Để được hưởng quyền lợi này, khách hàng phải đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản vào mỗi ngày đến hạn đóng phí trong những năm hợp đồng trước đó.

Tổng số tiền tính thưởng là tổng khoản lãi cộng dồn được tính tại ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6 đến ngày kỷ niệm thứ 10 trong đó khoản lãi của mỗi năm hợp đồng này sẽ được tính bằng 50% khoản lãi được tích lũy vào GTTK cơ bản trong vòng 5 năm trước đó.

#### 8. Quyền lợi đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận được toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HĐBH còn hiệu lực và NĐBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.

**Lưu ý:** Trường hợp NĐBH tử vong hoặc TTTB&VV dưới 4 (bốn) tuổi, STBH hiện tại sẽ sử dụng để chi trả được điều chỉnh như sau:

Tuổi của Người được bảo hiểm vào thời điểm tử vong hoặc bị TTTB&VV	Số tiền bảo hiểm hiện tại được điều chỉnh
Dưới 1 tuổi	20% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi	40% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 2 tuổi đến dưới 3 tuổi	60% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 3 tuổi đến dưới 4 tuổi	80% Số tiền bảo hiểm hiện tại

#### 9. Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao

Khách hàng có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao:

- ✓ Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 (hai) và trong thời gian HĐBH

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 5 | 26**

Dãy số kiểm tra

## TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- ✓ Trước khi NĐBH tròn 35 (ba mươi lăm) tuổi, với điều kiện tuổi của NĐBH vào ngày có hiệu lực của hợp đồng là dưới 18 (mười tám) tuổi.
- ✓ Tối đa 1 (một) lần trong suốt thời hạn hợp đồng.

### QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

#### 1. Quyền thay đổi STBH

Khách hàng có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ ngày kỷ niệm HĐ thứ 2 trở đi và trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm.

#### 2. Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con)

Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 và trước khi NĐBH tròn 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính. Quyền lợi này áp dụng cho hợp đồng được phát hành ở điều kiện chuẩn, tối đa 2 sự kiện trong suốt thời hạn hợp đồng và yêu cầu được gửi đến cho chúng tôi trong vòng 90 ngày kể từ ngày NĐBH kết hôn hoặc sinh con.

#### 3. Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Khách hàng có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% từ GTTK cơ bản của hợp đồng kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.

### CÁC LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí để chúng tôi thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.
- Chi phí ban đầu:** là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí tích lũy trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay

<b>Năm đóng phí</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5+</b>
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1,5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

- Chi phí quản lý hợp đồng:** 25.000 đồng/tháng (300.000 đồng/năm).  
Mức chi phí này có thể thay đổi, tối đa là 60.000 đồng/tháng.
- Chi phí quản lý quỹ:** tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi chúng tôi công bố lãi suất tích lũy.
- Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có.
- Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có.

*Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.*

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 6 | 26**

Dãy số kiểm tra

# TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG

nêu khách hàng có yêu cầu tham gia cùng với sản phẩm chính, có đóng phí sản phẩm bổ sung và được chúng tôi chấp thuận bảo hiểm đối với các sản phẩm bổ sung. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.

### 1. Bảo hiểm Toàn diện bệnh hiểm nghèo

- Quyền lợi bệnh hiểm nghèo: tùy theo chẩn đoán mức độ mắc bệnh hiểm nghèo, quyền lợi bảo hiểm được chi trả như sau:

- Mức độ 1: 30% số tiền bảo hiểm (STBH) của sản phẩm bổ sung này;
- Mức độ 2: 60% STBH của sản phẩm bổ sung này và miễn phí bảo hiểm sản phẩm này kể từ ngày mắc bệnh hiểm nghèo cho đến hết thời hạn hợp đồng của sản phẩm bổ sung này;
- Mức độ 3: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Khách hàng có thể yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm nhiều lần nhưng mỗi bệnh hiểm nghèo chỉ được chi trả một lần và tổng số tiền chi trả cho tất cả các bệnh hiểm nghèo không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này. Bên cạnh đó, quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo theo từng mức độ nêu trên sẽ được chi trả không vượt quá hạn mức tối đa quy định trong Quy tắc, điều khoản của sản phẩm bổ sung này.

- Quyền lợi bảo hiểm vĩnh mạp tiêu đường: 20% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Thưởng khi không có yêu cầu giải quyết QL BH: Bắt đầu vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 của sản phẩm này và vào (các) ngày kỷ niệm hợp đồng mỗi 5 năm sau đó, khách hàng nhận được 20% tổng phí bảo hiểm đã đóng của sản phẩm này trong 5 năm liền kề trước đó nếu không có bất cứ yêu cầu giải quyết lợi nào được chi trả trong giai đoạn 5 năm này.

### 2. Bảo hiểm Miễn thu phí bệnh hiểm nghèo

Nếu Người được bảo hiểm mắc bệnh hiểm nghèo, tùy theo mức độ chẩn đoán mắc bệnh hiểm nghèo, khách hàng được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực (nếu có), không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm liên kết đầu tư, cụ thể như sau:

- Mức độ 1: miễn phí bảo hiểm 60 tháng kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh nhưng không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.
- Mức độ 2 hoặc mức độ 3: miễn phí kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh cho đến hết thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.

### 3. Bảo hiểm Tử vong do tai nạn

Quyền lợi tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

### 4. Bảo hiểm Tử vong và thương tật do tai nạn

- Tàn tật hoặc bỏng do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Tàn tật toàn bộ tạm thời do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt: Bên cạnh quyền lợi tử vong do tai nạn, khách hàng sẽ nhận thêm 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

### 5. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện do tai nạn

- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Gãy xương do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo mức độ gãy xương.
- Bồi hoàn chi phí điều trị do tai nạn: hỗ trợ chi phí y tế hợp lý, thông thường phát sinh khi nằm viện nội trú để điều trị thương tật do tai

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 7 | 26**

Dãy số kiểm tra



nạn trong vòng 52 tuần kể từ ngày xảy ra tai nạn cho quyền lợi bảo hiểm mức khỏe tổng quát.

nằm viện của một thương tật và tổng số tiền chi trả tối đa cho quyền lợi này trong suốt thời gian tham gia không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này. Các chi phí điều trị phải là các chi phí không được bồi thường theo các chương trình/quy định của chính phủ; hoặc không được bảo hiểm bởi các hợp đồng bảo hiểm khác hoặc không được bồi hoàn/bồi thường theo các quy định, chương trình hay các hợp đồng bảo hiểm đó.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho một hay nhiều tai nạn gây ra một hay nhiều thương tật không vượt quá 100% STBH của sản phẩm bổ sung này. Việc chi trả chỉ áp dụng một lần cho mỗi thương tật và một khu vực xương bị gãy.

**6. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện và phẫu thuật**

- Hỗ trợ chi phí nằm viện không phải tại khoa săn sóc đặc biệt: 100% STBH/ngày nằm viện. Tối đa 100 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí nằm viện tại khoa săn sóc đặc biệt: 300% STBH/ngày của sản phẩm bổ sung này. Tối đa 30 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí phẫu thuật: chi trả chi phí phòng mổ, tiền công ca mổ, chi phí gây mê, gây mê với chi trả tối đa lên đến 20 lần STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo loại phẫu thuật.
- Hỗ trợ chi phí trước và sau khi nằm viện khi đáp ứng một số điều kiện nhất định: hỗ trợ tiền thuốc, chi phí khám, vật lý trị liệu, tư vấn và xét nghiệm, chi phí chăm sóc y tế tại nhà với tối đa lên đến 200% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Tổng số tiền tối đa chi trả cho tất cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này trong suốt thời hạn hợp đồng là 1.000 lần STBH của sản phẩm bổ sung này.

**7. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe**

- Quyền lợi điều trị nội trú
- Quyền lợi điều trị ngoại trú
- Quyền lợi chăm sóc nha khoa

**8. Bảo hiểm Hỗ trợ chi phí nằm viện**

- Hỗ trợ chi phí nằm viện: khách hàng được hỗ trợ chi phí cho mỗi ngày nằm viện là:
  - 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này nếu:
    - nằm viện ở bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh; hoặc
    - nằm ở bệnh viện tuyến huyện nơi có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT); hoặc
    - nằm ở bệnh viện tuyến huyện để điều trị tai nạn.
  - 50% STBH nếu NĐBH nằm viện ở bệnh viện tuyến huyện nơi không có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT) hoặc không điều trị thương tích do tai nạn.

Tổng quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho 02 trường hợp nêu trên sẽ không vượt quá 365 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

- Trợ cấp khi nằm tại khoa săn sóc đặc biệt: 200% STBH/ngày nằm viện tại khoa săn sóc đặc biệt của Bệnh viện đủ tiêu chuẩn tuyến trung ương, tuyến tỉnh hoặc tại bệnh viện nơi có đăng ký khám chữa bệnh bằng BHYT. Tối đa là 25 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho sản phẩm bổ sung này tối đa 1.000 ngày nằm viện.

**9. Bảo hiểm Miễn thu phí đặc biệt**

Khi NĐBH của sản phẩm này tử vong hoặc bị TTTB&VV, khách hàng sẽ được:

- ✓ Khách hàng sẽ được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực tham gia cùng với HĐBH này, không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; và
- ✓ Nhận ngay quyền lợi hỗ trợ tài chính là 200% STBH của sản phẩm bổ sung này nếu quyền lợi miễn thu phí được chấp thuận giải quyết.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau



**Lưu ý:**

**TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

- 1. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các hợp đồng bảo hiểm với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, không vượt quá hạn mức 8 tỷ đồng. Hạn mức này có thể được điều chỉnh tăng và được áp dụng tại thời điểm chi trả quyền lợi bảo hiểm.*
- 2. Nội dung về các sản phẩm bổ sung trên đây chỉ mang tính giới thiệu tóm lược. Mọi quy định, điều kiện và quyền lợi bảo hiểm bổ sung sẽ được thực hiện theo Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung.*

---

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

**Trang 9 | 26**

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

## BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản	LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT	QUYỀN LỢI	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng	
				Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	BẢO HIỂM CƠ BẢN Phí tích lũy				Phí bảo hiểm được phân bổ
1	6	60.000	60.000	17.580		6.000	54.000	11.370	300
2	7	60.000	60.000	17.580		12.000	48.000	10.542	300
3	8	60.000	60.000	17.580		42.000	18.000	9.343	300
4	9	60.000	60.000	17.580		48.000	12.000	8.143	300
5	10	60.000	60.000	17.580		59.100	900	6.939	300
6	11	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.765	300
7	12	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.295	300
8	13	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.462	300
9	14	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.652	300
10	15	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.799	300
11	16	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.646	300
12	17	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.614	300
13	18	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.576	300
14	19	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.673	300
15	20	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.729	300
16	21	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.784	300
17	22	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.761	300
18	23	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.626	300
19	24	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.485	300
20	25	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.339	300
21	26	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.334	300
22	27	60.000	60.000	17.580		59.100	900	5.150	300
23	28	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.897	300
24	29	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.665	300

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 10 | 26**

Dãy số kiểm tra

**BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản	LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI		Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng	
				Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	BẢO HIỂM CƠ BẢN Phí tích lũy được phân bổ				
25	30	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.412	300
26	31	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.236	300
27	32	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.145	300
28	33	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.123	300
29	34	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.109	300
30	35	60.000	60.000	17.580		59.100	900	4.067	300
31	36	60.000	60.000	12.816		59.100	900	3.951	300
32	37	60.000	60.000	12.816		59.100	900	3.863	300
33	38	60.000	60.000	12.816		59.100	900	3.753	300
34	39	60.000	60.000	12.816		59.100	900	3.617	300
35	40	60.000	60.000	12.816		59.100	900	3.431	300
36	41	60.000	60.000	12.816		59.100	900	3.214	300
37	42	60.000	60.000	12.816		59.100	900	2.986	300
38	43	60.000	60.000	12.816		59.100	900	2.725	300
39	44	60.000	60.000	12.816		59.100	900	2.447	300
40	45	60.000	60.000	12.816		59.100	900	2.077	300
41	46	60.000	60.000	12.816		59.100	900	1.639	300
42	47	60.000	60.000	12.816		59.100	900	1.151	300
43	48	60.000	60.000	12.816		59.100	900	512	300
44	49	60.000	60.000	12.816		59.100	900		300
45	50	60.000	60.000	12.816		59.100	900		300
46	51	60.000	60.000	12.816		59.100	900		300
47	52	60.000	60.000	12.816		59.100	900		300
48	53	60.000	60.000	12.816		59.100	900		300

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

**Trang 11 | 26**

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

**BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản	LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI		Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
				Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	BẢO HIỂM CƠ BẢN Phí tích lũy được phân bổ			
49	54	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
50	55	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
51	56	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
52	57	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
53	58	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
54	59	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
55	60	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
56	61	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
57	62	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
58	63	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
59	64	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
60	65	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
61	66	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
62	67	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
63	68	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
64	69	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
65	70	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
66	71	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
67	72	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
68	73	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
69	74	60.000	60.000	12.816		59.100	900	300
70	75	60.000	60.000			59.100	900	300
71	76	60.000	60.000			59.100	900	300
72	77	60.000	60.000			59.100	900	300

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

**Trang 12 | 26**

Mã số đại lý:

Dãy số kiểm tra

Ngày giờ lập:

## BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	BẢO HIỂM Phí bảo hiểm cơ bản	LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT QUYỀN LỢI		Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
				Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	BẢO HIỂM CƠ BẢN Phí tích lũy được phân bổ			
73	78	60.000	60.000			59.100	900	300
74	79	60.000	60.000			59.100	900	300
75	80	60.000	60.000			59.100	900	300
76	81	60.000	60.000			59.100	900	300
77	82	60.000	60.000			59.100	900	300
78	83	60.000	60.000			59.100	900	300
79	84	60.000	60.000			59.100	900	300
80	85	60.000	60.000			59.100	900	300
81	86	60.000	60.000			59.100	900	300
82	87	60.000	60.000			59.100	900	300
83	88	60.000	60.000			59.100	900	300
84	89	60.000	60.000			59.100	900	300
85	90	60.000	60.000			59.100	900	300
86	91	60.000	60.000			59.100	900	300
87	92	60.000	60.000			59.100	900	300
88	93	60.000	60.000			59.100	900	300
89	94	60.000	60.000			59.100	900	300
90	95	60.000	60.000			59.100	900	300
91	96	60.000	60.000			59.100	900	300
92	97	60.000	60.000			59.100	900	300
93	98	60.000	60.000			59.100	900	300
94	99	60.000	60.000			59.100	900	300

**Lưu ý:**

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
 Đại lý bảo hiểm: **Trang 13 | 26**  
 Mã số đại lý: Dãy số kiểm tra  
 Ngày giờ lập:

- BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ**  
**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UU VIỆT QUYỀN LỢI**  
**BẢO HIỂM CƠ BẢN**
- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
  - Tham gia Hợp đồng Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
  - Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.
  - Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí của sản phẩm bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến việc tính toán Giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 14 | 26**

Dãy số kiểm tra



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**  
**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
						Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
1	6	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000						
2	7	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000						
3	8	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		29.450		29.613		30.327
4	9	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		72.289		72.825		75.054
5	10	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		129.249		131.090		136.044
6	11	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		188.761		193.476		202.528
7	12	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		249.612		259.471		274.168
8	13	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		310.589		328.605		350.672
9	14	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		371.067		401.020		432.371
10	15	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000	70.565	503.170	122.580	599.512	178.339	698.024
11	16	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		567.506		685.640		804.366
12	17	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		633.160		776.155		918.279
13	18	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		700.165		871.290		1.040.316
14	19	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		768.413		971.157		1.170.941
15	20	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000	7.056	845.025	12.258	1.088.301	17.834	1.328.654
16	21	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		916.058		1.199.099		1.479.743
17	22	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		988.534		1.315.569		1.641.650
18	23	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.062.597		1.438.109		1.815.254
19	24	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.138.283		1.567.039		2.001.404
20	25	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000	7.056	1.222.687	12.258	1.714.955	17.834	2.218.845

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 15 | 26**

Dãy số kiểm tra

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**  
**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
						Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
21	26	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.301.728		1.858.208		2.434.089
22	27	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.382.536		2.008.972		2.664.932
23	28	20.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.465.216		2.167.685		2.912.530
24	29	20.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.549.784		2.334.742		3.178.075
25	30	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.636.298		2.510.585		3.462.860
26	31	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.724.720		2.695.621		3.768.148
27	32	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.815.004		2.890.297		4.094.844
28	33	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		1.907.115		3.095.111		4.444.409
29	34	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.001.082		3.310.634		4.818.443
30	35	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.096.972		3.537.488		5.218.660
31	36	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.194.897		3.776.109		5.646.892
32	37	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.294.869		4.026.661		6.105.100
33	38	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.396.951		4.289.741		6.595.383
34	39	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.501.213		4.565.975		7.119.986
35	40	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.607.747		4.856.021		7.681.310
36	41	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.716.632		5.160.569		8.281.928
37	42	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.827.925		5.480.344		8.924.589
38	43	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		2.941.708		5.816.108		9.612.235
39	44	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		3.058.047		6.168.661		10.348.018
40	45	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		3.177.087		6.538.841		11.135.305

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 16 | 26**

Dãy số kiểm tra

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**  
**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
						Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
41	46	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		3.298.950		6.927.530		11.977.702
42	47	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		3.423.743		7.335.653		12.879.067
43	48	60.000	3.600.000	7.200.000	900.000		3.551.679		7.764.183		13.843.527
44	49	60.000	3.682.691	7.282.691	900.000		3.682.691		8.214.139		14.875.500
45	50	60.000	3.816.324	7.416.324	900.000		3.816.324		8.686.593		15.979.710
46	51	60.000	3.952.629	7.552.629	900.000		3.952.629		9.182.669		17.161.216
47	52	60.000	4.091.660	7.691.660	900.000		4.091.660		9.703.550		18.425.427
48	53	60.000	4.233.472	7.833.472	900.000		4.233.472		10.250.474		19.778.132
49	54	60.000	4.378.120	7.978.120	900.000		4.378.120		10.824.745		21.225.527
50	55	60.000	4.525.661	8.125.661	900.000		4.525.661		11.427.729		22.774.240
51	56	60.000	4.676.153	8.276.153	900.000		4.676.153		12.060.862		24.431.363
52	57	60.000	4.829.655	8.429.655	900.000		4.829.655		12.725.652		26.204.484
53	58	60.000	4.986.227	8.586.227	900.000		4.986.227		13.423.682		28.101.723
54	59	60.000	5.145.930	8.745.930	900.000		5.145.930		14.156.613		30.131.770
55	60	60.000	5.308.828	8.908.828	900.000		5.308.828		14.926.190		32.303.919
56	61	60.000	5.474.983	9.074.983	900.000		5.474.983		15.734.247		34.628.119
57	62	60.000	5.644.462	9.244.462	900.000		5.644.462		16.582.706		37.115.013
58	63	60.000	5.817.329	9.417.329	900.000		5.817.329		17.473.588		39.775.990
59	64	60.000	5.993.655	9.593.655	900.000		5.993.655		18.409.015		42.623.235
60	65	60.000	6.173.507	6.173.507			6.173.507		19.391.212		45.669.787

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 17 | 26**

Dãy số kiểm tra

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**  
**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
						Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
61	66	60.000	6.356.956	6.356.956			6.356.956		20.422.520		48.929.598
62	67	60.000	6.544.073	6.544.073			6.544.073		21.505.393		52.417.596
63	68	60.000	6.734.934	6.734.934			6.734.934		22.642.409		56.149.753
64	69	60.000	6.929.611	6.929.611			6.929.611		23.836.277		60.143.162
65	70	60.000	7.128.182	7.128.182			7.128.182		25.089.838		64.416.109
66	71	60.000	7.330.725	7.330.725			7.330.725		26.406.076		68.988.162
67	72	60.000	7.537.318	7.537.318			7.537.318		27.788.127		73.880.259
68	73	60.000	7.748.043	7.748.043			7.748.043		29.239.280		79.114.803
69	74	60.000	7.962.983	7.962.983			7.962.983		30.762.991		84.715.765
70	75	60.000	8.182.221	8.182.221			8.182.221		32.362.888		90.708.795
71	76	60.000	8.405.844	8.405.844			8.405.844		34.042.779		97.121.336
72	77	60.000	8.633.940	8.633.940			8.633.940		35.806.665		103.982.755
73	78	60.000	8.866.597	8.866.597			8.866.597		37.658.745		111.324.474
74	79	60.000	9.103.908	9.103.908			9.103.908		39.603.429		119.180.113
75	80	60.000	9.345.965	9.345.965			9.345.965		41.645.348		127.585.646
76	81	60.000	9.592.863	9.592.863			9.592.863		43.789.362		136.579.567
77	82	60.000	9.844.699	9.844.699			9.844.699		46.040.577		146.203.063
78	83	60.000	10.101.572	10.101.572			10.101.572		48.404.353		156.500.203
79	84	60.000	10.363.582	10.363.582			10.363.582		50.886.318		167.518.143
80	85	60.000	10.630.832	10.630.832			10.630.832		53.492.380		179.307.338

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
 Đại lý bảo hiểm:  
 Mã số đại lý:  
 Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 18 | 26**  
 Dãy số kiểm tra

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

Đơn vị: ngàn đồng

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
						Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
81	86	60.000	10.903.428	10.903.428			10.903.428		56.228.746		191.921.778
82	87	60.000	11.181.475	11.181.475			11.181.475		59.101.931		205.419.228
83	88	60.000	11.465.083	11.465.083			11.465.083		62.118.774		219.861.500
84	89	60.000	11.754.364	11.754.364			11.754.364		65.286.460		235.314.731
85	90	60.000	12.049.430	12.049.430			12.049.430		68.612.530		251.849.687
86	91	60.000	12.350.397	12.350.397			12.350.397		72.104.903		269.542.091
87	92	60.000	12.657.384	12.657.384			12.657.384		75.771.895		288.472.963
88	93	60.000	12.970.510	12.970.510			12.970.510		79.622.237		308.728.997
89	94	60.000	13.289.899	13.289.899			13.289.899		83.665.096		330.402.952
90	95	60.000	13.615.676	13.615.676			13.615.676		87.910.097		353.594.085
91	96	60.000	13.947.968	13.947.968			13.947.968		92.367.349		378.408.596
92	97	60.000	14.286.906	14.286.906			14.286.906		97.047.464		404.960.124
93	98	60.000	14.632.623	14.632.623			14.632.623		101.961.584		433.370.258
94	99	60.000	14.985.254	14.985.254			14.985.254		107.121.410		463.769.102

**Lưu ý:**

- Trong mọi trường hợp, khách hàng chỉ nhận được một trong hai quyền lợi tử vong: Không do tai nạn hoặc do tai nạn. Quyền lợi tử vong do Tai nạn chỉ được chi trả khi NDBH tử vong do Tai nạn trong khoảng thời gian có kỳ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- Quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả (nếu có) sẽ được khấu trừ trước khi chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc TTTB&VV.
- Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 19 | 26**

Dãy số kiểm tra

4. (\*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản bảo hiểm bằng 0.
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chi mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử [www.aja.com.vn](http://www.aja.com.vn).

## BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

### BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI UUU VIỆT

#### QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 20 | 26**

Dãy số kiểm tra



**TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO**

Đơn vị: ngàn đồng

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

**Quyền lợi đầu tư Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản Quyền lợi đầu tư không đảm bảo**

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC VẤN**

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi đầu tư GTK tại mức lãi suất cam kết			GTTK tại mức lãi suất 5%/năm			GTTK tại mức lãi suất 7%/năm				
				Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút		
1	6	60.000	3.600.000				3.600.000				3.600.000			
2	7	60.000	3.600.000				3.600.000				3.600.000			
3	8	60.000	3.600.000			29.450	3.600.000			29.613	3.600.000		30.327	
4	9	60.000	3.600.000			72.289	3.600.000			72.825	3.600.000		75.054	
5	10	60.000	3.600.000			129.249	3.600.000			131.090	3.600.000		136.044	
6	11	60.000	3.600.000			188.761	3.600.000			193.476	3.600.000		202.528	
7	12	60.000	3.600.000			249.612	3.600.000			259.471	3.600.000		274.168	
8	13	60.000	3.600.000			310.589	3.600.000			328.605	3.600.000		350.672	
9	14	60.000	3.600.000			371.067	3.600.000			401.020	3.600.000		432.371	
10	15	60.000	3.600.000	70.565	503.170		3.600.000	122.580	599.512		3.600.000	178.339	698.024	
11	16	60.000	3.600.000		567.506		3.600.000		685.640		3.600.000		804.366	
12	17	60.000	3.600.000		633.160		3.600.000		776.155		3.600.000		918.279	
13	18		3.505.026		542.892	94.974	3.483.577		686.866	116.423	3.462.258		829.565	137.742
14	19		3.410.052		450.588	94.974	3.367.154		592.934	116.423	3.324.516		734.516	137.742
15	20		3.315.078		356.231	94.974	3.250.730		494.148	116.423	3.186.775		632.709	137.742
16	21		3.220.104		259.747	94.974	3.134.307		390.230	116.423	3.049.033		523.635	137.742
17	22		3.125.130		161.179	94.974	3.017.884		280.997	116.423	2.911.291		406.851	137.742
18	23		3.125.130		157.474		3.017.884		288.535		2.911.291		429.300	
19	24		3.125.130		153.657		3.017.884		296.440		2.911.291		453.348	
20	25		3.125.130		149.725		3.017.884		304.730		2.911.291		479.110	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Đại lý bảo hiểm:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Mã số đại lý:

**Trang tham khảo 21 | 26**

Ngày giờ lập:

Dãy số kiểm tra

**TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO**

Đơn vị: ngàn đồng

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

Quyền lợi đầu tư **QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN** Quyền lợi đầu tư không đảm bảo

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC VẤN**

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	GTTK tại mức lãi suất cam kết			GTTK tại mức lãi suất 5%/năm			GTTK tại mức lãi suất 7%/năm				
				Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Khoản tiền rút	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Khoản tiền rút	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Khoản tiền rút		
													Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
21	26		3.125.130		145.464		3.017.884		313.232		2.911.291		506.537	
22	27		3.125.130		141.108		3.017.884		322.179		2.911.291		535.951	
23	28		3.125.130		136.746		3.017.884		331.679		2.911.291		567.571	
24	29		3.125.130		132.346		3.017.884		341.731		2.911.291		601.530	
25	30		3.125.130		127.939		3.017.884		352.392		2.911.291		638.019	
26	31		3.125.130		123.404		3.017.884		363.584		2.911.291		677.127	
27	32		3.125.130		118.585		3.017.884		375.199		2.911.291		718.928	
28	33		3.125.130		113.323		3.017.884		387.124		2.911.291		763.509	
29	34		3.125.130		107.547		3.017.884		399.324		2.911.291		811.039	
30	35		3.125.130		101.243		3.017.884		411.818		2.911.291		861.745	
31	36		3.125.130		94.489		3.017.884		424.705		2.911.291		915.936	
32	37		3.125.130		87.152		3.017.884		437.900		2.911.291		973.793	
33	38		3.125.130		79.183		3.017.884		451.399		2.911.291		1.035.584	
34	39		3.125.130		70.537		3.017.884		465.196		2.911.291		1.101.596	
35	40		3.125.130		61.225		3.017.884		479.335		2.911.291		1.172.179	
36	41		3.125.130		51.197		3.017.884		493.816		2.911.291		1.247.674	
37	42		3.125.130		40.310		3.017.884		508.556		2.911.291		1.328.402	
38	43		3.125.130		28.443		3.017.884		523.499		2.911.291		1.414.733	
39	44		3.125.130		15.317		3.017.884		538.458		2.911.291		1.507.006	
40	45		3.125.130		956		3.017.884		553.494		2.911.291		1.605.750	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Đại lý bảo hiểm:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Mã số đại lý:

**Trang tham khảo 22 | 26**

Ngày giờ lập:

Dãy số kiểm tra

**TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO**

Đơn vị: ngàn đồng

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN**

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC VẤN**

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	Quyền lợi đầu tư <b>đảm bảo</b>			Quyền lợi đầu tư <b>không đảm bảo</b>							
				GTTK tại mức lãi suất cam kết			GTTK tại mức lãi suất 5%/năm				GTTK tại mức lãi suất 7%/năm			
				TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
41	46		(*)			(*)		3.017.884		568.520		2.911.291		1.711.457
42	47							3.017.884		583.016		2.911.291		1.824.472
43	48							3.017.884		596.970		2.911.291		1.945.477
44	49							3.017.884		610.491		2.911.291		2.075.264
45	50							3.017.884		622.381		2.911.291		2.214.255
46	51							3.017.884		633.085		2.911.291		2.363.585
47	52							3.017.884		641.423		2.911.291		2.524.076
48	53							3.017.884		647.690		2.911.291		2.697.086
49	54							3.017.884		651.823		2.911.291		2.884.011
50	55							3.017.884		651.889		3.085.535		3.085.535
51	56							3.017.884		649.097		3.301.211		3.301.211
52	57							3.017.884		642.151		3.531.985		3.531.985
53	58							3.017.884		631.464		3.778.913		3.778.913
54	59							3.017.884		618.090		4.043.125		4.043.125
55	60							3.017.884		599.700		4.325.833		4.325.833
56	61							3.017.884		576.935		4.628.330		4.628.330
57	62							3.017.884		548.911		4.952.001		4.952.001
58	63							3.017.884		512.578		5.298.330		5.298.330
59	64							3.017.884		467.041		5.668.902		5.668.902
60	65							3.017.884		408.417		6.065.414		6.065.414

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Đại lý bảo hiểm:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Mã số đại lý:

**Trang tham khảo 23 | 26**

Ngày giờ lập:

Dãy số kiểm tra

**TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO**

Đơn vị: ngàn đồng

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

Quyền lợi đầu tư **QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN** Quyền lợi đầu tư không đảm bảo

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC VẤN**

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	GTTK tại mức lãi suất cam kết			GTTK tại mức lãi suất 5%/năm			GTTK tại mức lãi suất 7%/năm						
				TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	
61	66							3.017.884		335.717			6.489.682		6.489.682	
62	67							3.017.884		253.835			6.943.648		6.943.648	
63	68							3.017.884		161.737			7.429.392		7.429.392	
64	69							3.017.884		47.808			7.949.139		7.949.139	
65	70							(*)		(*)			8.505.267		8.505.267	
66	71												9.100.325		9.100.325	
67	72												9.737.036		9.737.036	
68	73												10.418.317		10.418.317	
69	74												11.147.288		11.147.288	
70	75												11.927.287		11.927.287	
71	76												12.761.886		12.761.886	
72	77												13.654.907		13.654.907	
73	78												14.610.439		14.610.439	
74	79												15.632.858		15.632.858	
75	80												16.726.847		16.726.847	
76	81												17.897.415		17.897.415	
77	82												19.149.923		19.149.923	
78	83												20.490.106		20.490.106	
79	84												21.924.103		21.924.103	
80	85												23.458.479		23.458.479	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Đại lý bảo hiểm:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Mã số đại lý:

**Trang tham khảo 24 | 26**

Ngày giờ lập:

Dãy số kiểm tra

**TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO**

Đơn vị: ngàn đồng

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN**

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC VẤN**

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	Quyền lợi đầu tư <b>đảm bảo</b>			Quyền lợi đầu tư <b>không đảm bảo</b>							
				GTTK tại mức lãi suất cam kết			GTTK tại mức lãi suất 5%/năm				GTTK tại mức lãi suất 7%/năm			
				TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ	Khoản tiền rút	TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HĐ
81	86										25.100.261		25.100.261	
82	87										26.856.968		26.856.968	
83	88										28.736.644		28.736.644	
84	89										30.747.898		30.747.898	
85	90										32.899.940		32.899.940	
86	91										35.202.624		35.202.624	
87	92										37.666.497		37.666.497	
88	93										40.302.840		40.302.840	
89	94										43.123.728		43.123.728	
90	95										46.142.078		46.142.078	
91	96										49.371.712		49.371.712	
92	97										52.827.420		52.827.420	
93	98										56.525.028		56.525.028	
94	99										60.481.469		60.481.469	

**Lưu ý:**

- Khách hàng có thể yêu cầu rút một phần giá trị tài khoản như được thể hiện tại cột “khoản tiền rút” khi có nhu cầu cần tiền mặt để thực hiện cho kế hoạch giáo dục. Khi khách hàng thực hiện việc rút tiền thì giá trị tài khoản cũng như các quyền lợi của của sản phẩm có thể sẽ được giảm tương ứng. Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút” và kế hoạch rút tiền nói trên chỉ nhằm mục đích tham khảo. Tại mỗi thời điểm khách hàng cần rút một phần giá trị tài khoản, khách hàng cần gửi yêu cầu về việc rút tiền và gửi đến AIA Việt Nam.
- Việc rút tiền và không duy trì việc đóng phí đầy đủ và đúng hạn có thể ảnh hưởng đến giá trị tài khoản và hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Đại lý bảo hiểm:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Mã số đại lý:

**Trang tham khảo 25 | 26**

Ngày giờ lập:

Dãy số kiểm tra

**TRANG THÔNG TIN THAM KHẢO**

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG QUYỀN LỢI QUẢ VIẾT**

**QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN**

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC NỀN**

- 3. Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản hiện lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí Bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- 4. (\*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.
- 5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất ghi trên khi TRỊNH HỌC NỀN được tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn).

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Đại lý bảo hiểm: Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Mã số đại lý: **Trang tham khảo 26 | 26**

Ngày giờ lập: Dây số kiểm tra



Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm;
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%/năm; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%/năm; 3.5%/năm; 3%/năm; 2.5%/năm và bằng 2%/năm từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm tối thiểu theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả;
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm; và
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang và là một phần của Hợp đồng bảo hiểm. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/  
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi ưu việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Đại lý bảo hiểm:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Mã số đại lý:

**Trang tham khảo 27 | 26**

Ngày giờ lập:

Dãy số kiểm tra